BỘ CÔNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54/2019/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ trợ cấp một lần, quy đổi thời gian để tính hưởng trợ cấp một lần; trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 49/2019/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật Công an nhân dân (sau đây viết tắt là sĩ quan, hạ sĩ quan); hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân (sau đây viết tắt là chiến sĩ); công nhân công an.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các học viện, trường Công an nhân dân (sau đây viết tắt là Công an đơn vị, địa phương).

3. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an được quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ từ đủ 01 năm (12 tháng) trở lên do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền (bao gồm: xác định lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức, thu gọn đầu mối mà không bố trí được công việc khác hoặc không điều chuyển được sang công tác ở đơn vị khác) nếu có nguyện vọng nghỉ hưu, được hưởng trợ cấp một lần quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP, như sau:

a) Trợ cấp theo số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ:

Mức trợ cấp theo số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ	=	Số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ	x	03 tháng	x	Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng trước khi nghỉ hưu

Trong đó:

- Số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ được tính như sau: Lấy hạn tuổi phục vụ của sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an trừ đi tuổi nghỉ hưu thực tế của sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an (Hạn tuổi phục vụ của sĩ quan, hạ sĩ quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 quy định hạn tuổi phục vụ đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân (sau đây viết tắt là Thông tư số 47/2019/TT-BCA); hạn tuổi phục vụ của công nhân công an quy định tại Điều 11 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP).

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng cuối trước khi sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu được điều chỉnh theo chế độ tiền lương (lương cấp bậc hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung hoặc hệ số bảo lưu) và mức lương cơ sở quy định tại thời điểm sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an hưởng chế độ hưu trí.

Ví dụ 1: Do thay đổi tổ chức, đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn T, Phó Trưởng phòng, Công an tỉnh X (hạn tuổi phục vụ là 58 tuổi), sinh ngày 15 tháng 4 năm 1966, được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác hưởng lương hưu hàng tháng từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. Như vậy, đồng chí T được hưởng lương hưu hàng tháng khi 53 tuổi 04 tháng. Thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ là 58 tuổi - 53 tuổi 04 tháng = 04 năm 08 tháng.

Ví dụ 2: Do thay đổi tổ chức, đồng chí Đại úy Trần Văn A (hạn tuổi phục vụ là 53 tuổi), sinh ngày 03 tháng 7 năm 1967, được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác hưởng lương hưu hàng tháng từ ngày 01 tháng 12 năm 2019. Như vậy, đồng chí A hưởng lương hưu hàng tháng khi 52 tuổi 04 tháng. Thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ là 53 tuổi - 52 tuổi 04 tháng = 0 năm 08

tháng. Theo quy định, đồng chí A không được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ vì thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ chưa đủ 01 năm (12 tháng).

b) Trợ cấp theo số năm công tác thực tế được tính theo công thức:

$$\text{Mức trợ cấp theo số năm công tác thực tế} = \left\{\begin{array}{l}\text{05 tháng + (tổng số năm công}\\ \text{tác thực tế - 20 năm) x 1/2 tháng}\end{array}\right\} \times \text{Tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ hưu}$$

Trong đó:

- Tổng số năm công tác thực tế là tổng thời gian công tác, học tập, làm việc có đóng bảo hiểm xã hội trong và ngoài Công an nhân dân nhưng thời gian này chưa được hưởng trợ cấp xuất ngũ, thôi việc, bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật.

- Tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ hưu gồm: Tiền lương theo cấp bậc hàm, ngạch, bậc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan; tiền lương theo nhóm, ngạch, bậc đối với công nhân công an và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung hoặc mức chênh lệch bảo lưu.

Ví dụ 3: Trường hợp đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn T, nêu tại ví dụ 1, có 30 năm công tác trong Công an nhân dân, số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi là 04 năm 08 tháng (được làm tròn thành 05 năm), mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối trước khi nghỉ là 17.248.836 đồng. Tiền lương tháng trước khi nghỉ hưu là 17.832.320 đồng. Ngoài việc được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành, đồng chí T còn được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ như sau:

(1). Trợ cấp theo số năm nghỉ trước hạn tuổi phục vụ

05 năm x 03 tháng x 17.248.836 đồng = 258.732.540 đồng

(2). Trợ cấp theo số năm công tác:

[05 tháng + (30 - 20) x 1/2] x 17.832.320 đồng = 178.353.200 đồng

Tổng số tiền trợ cấp: (1) + (2) = 437.085.740 đồng

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ và được hưởng trợ cấp một lần theo khoản 1 Điều này thì không thực hiện nghỉ chờ hưu theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 47/2019/TT-BCA.

3. Sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ do không đủ tuổi tái cử tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định về chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân không đủ điều kiện về tuổi tái cử tham gia cấp ủy địa phương.

Điều 4. Trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần

1. Trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP và được tính theo công thức:

$$\text{Trợ cấp một lần} = \text{Tổng số năm công tác thực tế} \times \text{01 tháng tiền lương liền kề trước khi xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần}$$

a) Thời gian công tác thực tế để tính trợ cấp một lần là tổng thời gian công tác, học tập, làm việc có đóng bảo hiểm xã hội trong và ngoài Công an nhân dân nhưng chưa được hưởng trợ cấp xuất ngũ, thôi việc, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật;

b) Tiền lương tháng liền kề trước khi xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần gồm: Tiền lương theo cấp bậc hàm, ngạch, bậc đối với sĩ quan, hạ sĩ quan; tiền lương theo nhóm, ngạch, bậc đối với công nhân công an và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung hoặc mức chênh lệch bảo lưu.

Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an đang nghỉ công tác hưởng chế độ ốm đau từ quỹ bảo hiểm xã hội, liền sau đó từ trần, xuất ngũ, thôi việc thì tiền lương làm cơ sở tính trợ cấp một lần là tiền lương của tháng liền kề trước thời điểm sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an chuyển sang hưởng chế độ ốm đau.

Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an từ trần trong thời gian bị đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ công tác (hưởng 50% lương) hoặc hết thời gian đình chỉ công tác, tạm đình chỉ công tác liền sau đó xuất ngũ, thôi việc thì tiền lương làm cơ sở tính trợ cấp một lần là tiền lương hiện hưởng của tháng liền kề trước thời điểm sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, xuất ngũ, thôi việc, từ trần, (bao gồm cả tiền lương được truy lĩnh nếu sau khi xem xét, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an không bị kỷ luật hoặc được cấp có thẩm quyền kết luận không vi phạm kỷ luật).

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Văn Y, công tác tại Sở Giao thông vận tải tỉnh N từ tháng 9/1996 đến tháng 12/2000 và chưa được giải quyết chế độ thôi việc, vào Công an nhân dân tháng 01/2001, xuất ngũ ngày 23/7/2019 với cấp bậc hàm Trung tá (hệ số lương: 6,60). Trợ cấp một lần của đồng chí Y được tính như sau:

(1). Thời gian công tác thực tế của đồng chí Y (từ tháng 9/1996 đến tháng 7/2019) là 22 năm 11 tháng, được làm tròn thành 23 năm để hưởng trợ cấp.

(2). Tiền lương tháng 6/2019 của đồng chí Y:

+ Lương cấp bậc hàm Trung tá:

1.390.000 đồng/tháng x 6,60 = 9.174.000 đồng/tháng

+ Phụ cấp thâm niên nghề:

9.174.000 đồng x 18% = 1.651.320 đồng/tháng

Cộng = 10.825.320 đồng/tháng

(3). Trợ cấp xuất ngũ một lần:

10.825.320 đồng/tháng x 23 năm = 248.982.360 đồng

Ví dụ 5: Đồng chí Trung tá Lê Văn A (Hệ số lương: 6,60/Tháng 6/2015), công tác tại Cục X, vào Công an nhân dân tháng 01/1998, nghỉ công tác hưởng chế độ ốm đau từ ngày 01/5/2016, từ trần ngày 11/8/2019. Trợ cấp một lần của đồng chí A được tính như sau:

(1). Thời gian công tác thực tế của đồng chí A (từ tháng 01/1998 đến tháng 4/2016) là 18 năm 04 tháng, được làm tròn thành 18,5 năm để hưởng trợ cấp.

(2). Tiền lương tháng 4/2016 của đồng chí A:

+ Lương cấp bậc hàm Trung tá:

1.150.000 đồng/tháng x 6,60 = 7.590.000 đồng/tháng

+ Phụ cấp thâm niên nghề:

7.590.000 đồng x 18% = 1.366.200 đồng/tháng

Cộng = 8.956.200 đồng/tháng

(3). Trợ cấp một lần:

8.956.200 đồng/tháng x 18,5 năm = 165.689.700 đồng

2. Trợ cấp một lần đối với chiến sĩ xuất ngũ, hy sinh, từ trần

a) Trợ cấp một lần đối với chiến sĩ xuất ngũ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23/8/2019 của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

b) Trợ cấp một lần đối với chiến sĩ hy sinh, từ trần được tính bằng số năm công tác thực tế (thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội trong và ngoài Công an nhân dân nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc, hoặc bảo hiểm xã hội một lần) nhân với 01 tháng lương cơ sở tại tháng liền kề trước thời điểm chiến sĩ hy sinh, từ trần.

3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an xuất ngũ, thôi việc được cấp tiền tàu xe theo giá cước phương tiện vận tải hành khách (loại thông thường): đường bộ, đường sắt hoặc đường thủy từ đơn vị về nơi cư trú.

4. Sĩ quan, hạ sĩ quan đã xuất ngũ về địa phương trong thời gian không quá 01 năm (12 tháng) kể từ ngày quyết định xuất ngũ có hiệu lực, nếu tìm được việc làm mới và có yêu cầu chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì Thủ trưởng đơn vị nơi sĩ quan, hạ sĩ quan công tác trước khi xuất ngũ thực hiện:

a) Thu hồi quyết định xuất ngũ;

b) Thu hồi khoản trợ cấp xuất ngũ một lần quy định tại khoản 1 Điều này nộp vào ngân sách;

c) Thu hồi khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần (đã nhận) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

d) Ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ ra quyết định chuyển ngành và hoàn thiện hồ sơ gửi Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân để thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

5. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ xuất ngũ về địa phương đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trong thời gian không quá 01 năm (12 tháng) kể từ ngày quyết định xuất ngũ có hiệu lực, nếu có nguyện vọng được nộp lại số tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận để bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì Thủ trưởng đơn vị nơi sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công tác trước khi xuất ngũ thực hiện:

a) Thu hồi khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận nộp về quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Hoàn thiện hồ sơ gửi Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân để thực hiện bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

6. Thời gian sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ xuất ngũ về địa phương quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này không được tính là thời gian công tác trong Công an nhân dân.

7. Trường hợp sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, chiến sĩ chết mà trước khi chết đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được cơ quan điều tra kết luận là hành vi phạm tội quy định trong Bộ Luật hình sự thì không được thực hiện chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 5. Quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần và chiến sĩ hy sinh, từ trần

1. Điều kiện, thời gian, mức quy đổi để tính chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần và chiến sĩ hy sinh, từ trần được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Được quy đổi theo mức 01 năm bằng 01 năm 06 tháng (tăng thêm 06 tháng) đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an và chiến sĩ có thời gian:

Tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở chiến trường miền Nam, Lào từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975; ở chiến trường Campuchia từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989; trong

chiến tranh phá hoại ở miền Bắc từ ngày 05 tháng 8 năm 1964 đến ngày 27 tháng 01 năm 1973 (trừ trường hợp đi học tập, chữa bệnh ở nước ngoài);

Tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979; ở biên giới phía Bắc từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988; làm nhiệm vụ truy quét Fulrô ở các tỉnh Tây Nguyên từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992. Địa bàn biên giới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được tính quy đổi là huyện có đường biên giới với Campuchia (Tây Nam), Trung Quốc (phía Bắc), bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK1 và địa bàn phụ cận có xảy ra chiến sự theo quy định của Bộ Quốc phòng;

Được cử làm chuyên gia hoặc làm nhiệm vụ phục vụ chuyên gia sang giúp Lào từ ngày 01 tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988 và sang giúp Campuchia từ ngày 01 tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989.

b) Được quy đổi theo mức 01 năm bằng 01 năm 04 tháng (tăng thêm 04 tháng) đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an và chiến sĩ có thời gian:

Công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% theo quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ quy định chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang;

Làm nghề, công việc thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V, loại VI) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Được quy đổi theo mức 01 năm bằng 01 năm 02 tháng (tăng thêm 02 tháng) đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an và chiến sĩ có thời gian:

Công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc quy định chế độ phụ cấp khu vực;

Làm nghề, công việc thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an và chiến sĩ có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân thì thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân được tính quy đổi theo những quy định về chế độ, chính sách đối với sĩ quan quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng thôi phục vụ trong Quân đội.

đ) Khi cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100%, địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên, danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V, loại VI) và nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV) thì thực hiện theo quy định sửa đổi, bổ sung.

e) Thời gian công tác thực tế tính quy đổi để hưởng trợ cấp một lần quy định tại các điểm a, b, c và d Điều này bao gồm thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, chiến sĩ và thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội, công nhân, viên chức quốc phòng (nếu có).

2. Quy đổi thời gian công tác đối với một số trường hợp cụ thể

a) Trường hợp trong cùng một thời gian công tác, nếu sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an và chiến sĩ có đủ 02 điều kiện trở lên quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này chỉ được hưởng theo mức quy đổi cao nhất. Trường hợp thời gian công tác có cùng hệ số quy đổi nhưng không liên tục thì được cộng dồn sau đó mới thực hiện quy đổi;

b) Thời gian công tác ở địa bàn trước đây chưa được quy định mà nay được quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên thì thời gian công tác ở địa bàn đó được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Thời gian công tác ở địa bàn trước đây được quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên (được quy đổi) mà sau đó quy định mức phụ cấp đặc biệt dưới 100% hoặc phụ cấp khu vực hệ số dưới 0,7 (không được quy đổi) thì thời gian công tác trước đó ở địa bàn nói trên đến ngày có quy định mới được tính là thời gian công tác được quy đổi để tính hưởng trợ cấp;

c) Thời gian làm nghề, công việc nhưng trước đây chưa xếp loại, sau đó nghề, công việc đó được bổ sung vào danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại (loại IV trở lên) thì thời gian làm nghề, công việc này được tính loại IV trở lên từ khi bắt đầu làm nghề, công việc đó để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại lao động thấp hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó được xếp loại lao động cao hơn thì được tính thời gian theo loại lao động được xếp loại cao hơn kể từ khi bắt đầu làm nghề hoặc công việc đó để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại lao động cao hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó xếp loại lao động thấp hơn thì được tính thời gian làm nghề hoặc công việc theo loại lao động cao hơn đã xếp từ khi làm nghề hoặc công việc đó đến tháng trước liền kề tháng quyết định mới có hiệu lực, sau đó tính theo loại lao động mới thấp hơn đã được quy định tại quyết định mới để quy đổi thời gian tính hưởng trợ cấp;

d) Trường hợp sĩ quan có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy thì thời gian giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương trở xuống trực tiếp phụ trách hoặc làm công việc thuộc danh mục lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm được tính quy đổi như sĩ quan làm công việc đó. Thời gian giữ chức vụ lãnh đạo Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lãnh đạo cấp Cục và tương đương trở lên không được tính quy đổi để tính hưởng trợ cấp. Riêng đối với sĩ quan có thời gian đảm nhiệm chức vụ

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp trong Công an nhân dân được thực hiện quy đổi như đối với cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra án.

3. Trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi được tính như sau:

a) Lấy số năm tăng thêm do quy đổi nhân với tiền lương tháng liền kề trước khi sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần.

Ví dụ 6: Đồng chí Trần Văn H, Thượng tá, Phó Trưởng phòng, nghỉ công tác hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2019, thời gian công tác thực tế là 42 năm 03 tháng. Trong đó có 02 năm 10 tháng là bộ đội tham gia chiến đấu ở biên giới phía Bắc (từ tháng 03 năm 1979 đến tháng 12 năm 1981); 02 năm 05 tháng là bộ đội làm nhiệm vụ truy quét Fulrô ở các tỉnh Tây Nguyên (từ tháng 8 năm 1990 đến tháng 12 năm 1992; từ tháng 01 năm 1993 chuyển ngành sang Công an nhân dân, có 09 năm 08 tháng là trinh sát hình sự (từ tháng 02/1998 đến tháng 09/2007). Tiền lương tháng 8 năm 2019 là 18.145.600 đồng.

Tính quy đổi thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp một lần của đồng chí H như sau:

02 năm 10 tháng tham gia chiến đấu ở miền Nam và biên giới Tây Nam, 02 năm 05 tháng là bộ đội làm nhiệm vụ truy quét Fulrô ở các tỉnh Tây Nguyên có tổng thời gian tăng thêm do quy đổi (mức 01 năm bằng 01 năm 06 tháng) là 02 năm 10 tháng + 02 năm 05 tháng = 04 năm 02 tháng (làm tròn là 04 năm): 04 năm x 06 tháng = 24 tháng.

09 năm 08 tháng (được làm tròn là 10 năm) làm trinh sát hình sự là lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (được xếp lao động loại V theo Quyết định số 44/LĐTBXH - QĐ ngày 29 tháng 01 năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), thời gian tăng thêm do quy đổi (mức 01 năm bằng 01 năm 04 tháng) là: 10 năm x 04 tháng = 40 tháng.

Tổng thời gian tăng thêm do quy đổi để tính hưởng trợ cấp của đồng chí H là: 24 tháng + 40 tháng = 64 tháng = 05 năm 04 tháng, được làm tròn để tính trợ cấp là 5,5 năm.

Trợ cấp một lần đối với thời gian tăng thêm do quy đổi của đồng chí H khi nghỉ hưu là: 18.145.600 đồng x 5,5 năm = 99.800.800 đồng.

b) Lấy số năm tăng thêm do quy đổi nhân với tiền lương cơ sở tại tháng liền kề trước khi chiến sĩ hy sinh, từ trần.

Điều 6. Kinh phí đảm bảo

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại khoản 4 Điều 3; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 4; điểm b, c, d khoản 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 7; khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a, b khoản 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP và

phần chênh lệch do bảo lưu tiền lương của sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an chuyển ngành sang cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách Nhà nước hoặc sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển sang công nhân công an và hưởng lương từ ngân sách Nhà nước quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP.

2. Các doanh nghiệp trong Công an nhân dân đảm bảo chi trả phần chênh lệch do bảo lưu lương đối với trường hợp sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển sang công nhân công an làm việc tại doanh nghiệp mình.

Điều 7. Trình tự và thẩm quyền giải quyết chế độ trợ cấp một lần

1. Cơ quan tổ chức cán bộ của Công an đơn vị, địa phương (trực tiếp quản lý sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an) căn cứ hồ sơ cán bộ để lập Bản quá trình công tác làm căn cứ giải quyết trợ cấp 1 lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an trình Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương duyệt, ký Quyết định về việc hưởng trợ cấp (theo Mẫu số 01 và 03 ban hành kèm theo Thông tư này);

2. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan tài chính hoặc hậu cần có trách nhiệm chi trả trợ cấp đối với các trường hợp được hưởng.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 và thay thế Thông tư số 05/2017/TT-BCA ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, chuyển sang công nhân công an, thôi phục vụ trong Công an nhân dân (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2017/TT-BCA) và các văn bản khác trái với quy định tại Thông tư này.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, hy sinh, từ trần theo quy định tại các khoản 4 Điều 3; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 4; điểm b, c, d khoản 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 7; khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2019 trở đi nếu đã được thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BCA thì Công an đơn vị, địa phương thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ bị kỷ luật tước danh hiệu Công an nhân dân, công nhân công an bị kỷ luật buộc thôi việc không được hưởng chế độ theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này; điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP; nếu đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật thì được giải quyết chế độ hưu trí, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu thì được giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc bảo lưu quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

4. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được điều chỉnh thực hiện theo văn bản mới.

5. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu:

a) Quyết định về việc hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu/xuất ngũ/thôi việc/chuyển ngành (Mẫu số 01);

b) Bản ghi quá trình công tác để giải quyết trợ cấp một lần khi nghỉ hưu/xuất ngũ/thôi việc/chuyển ngành (Mẫu số 02);

c) Quyết định về việc hưởng trợ cấp một lần khi hy sinh hoặc từ trần (Mẫu số 03);

d) Bản ghi quá trình công tác để giải quyết trợ cấp một lần khi hy sinh hoặc từ trần (Mẫu số 04).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phổ biến quán triệt đến sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an thuộc đơn vị; đồng thời tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông tư này.

2. Hằng năm, Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm lập dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước trình lãnh đạo Bộ đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an quy định tại Thông tư này.

3. Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân công an quy định tại Thông tư này; phối hợp cung cấp hồ sơ đối với những trường hợp sĩ quan có hồ sơ cán bộ do Cục Tổ chức cán bộ quản lý để làm căn cứ giải quyết trợ cấp một lần.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu, hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Công an đơn vị, địa phương (để thực hiện);
- Lưu: VT, V03, X01 (P9). (180b)

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

Mẫu số 01: Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
……(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng trợ cấp một lần khi …. (3)

…… (1)

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TT-BCA ngày 22/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 54/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần;

Theo đề nghị của … (2) và hồ sơ của đồng chí (ông/bà) ……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/bà) ……..Sinh ngày.....
Cấp bậc……Chức vụ……. (hoặc chức danh, nghề nghiệp……..)
Đơn vị công tác ....
Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ: ….. năm ….. tháng
Thời gian tăng thêm do quy đổi (nếu có): ….. năm ….. tháng
Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 5 năm cuối: …….đồng (4)
Tiền lương liền kề trước khi …… (3): ……..… đồng
Được hưởng trợ cấp một lần khi …… (3):

Điều 2: Mức hưởng như sau:

1. Trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi: ..... đồng
2. Trợ cấp tạo việc làm: ..... đồng
3. Trợ cấp tàu xe: ..... đồng
4. Trợ cấp một lần: ..... đồng
5. Trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi: ..... đồng

Tổng cộng (1+2+3+4+5): ..... đồng

Bằng chữ: ..... ……

Điều 3. Các đồng chí: …… và đồng chí (ông/bà) ……. chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ……..
- Lưu: ……..

…… (1)
(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)

(1) Cấp ký quyết định
(2) Phòng Tổ chức cán bộ
(3) Các chế độ được hưởng (nghỉ hưu/chuyển ngành/xuất ngũ/thôi việc)
(4) Chỉ thể hiện đối với đối tượng nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất.

Mẫu số 02: Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
……(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

BẢN GHI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Để giải quyết trợ cấp một lần khi … (2)
theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

Đồng chí (Ông/Bà): ……..Sinh ngày: .....
Cấp bậc:…… Chức vụ:……. (hoặc Chức danh, nghề nghiệp:……..)
Đơn vị công tác: ....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian công tác thực tế có đóng BHXH		Hệ số quy đổi	Thời gian tăng thêm do quy đổi	
			Năm	Tháng		Năm	Tháng
Tổng thời gian tăng thêm do quy đổi							

CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Tiền lương tháng cuối cùng trước khi thôi phục vụ trong CAND

1. Lương cấp bậc hàm, lương ngạch bậc: ..... đồng
2. Phụ cấp thâm niên nghề: ..... đồng
3. Phụ cấp chức vụ (nếu có): ..... đồng
4. Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có): ..... đồng
5. Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có): ..... đồng

Tổng cộng (1+2+3+4+5): ..... đồng

II. Mức tiền lương bình quân đóng BHXH của 60 tháng trước khi nghỉ hưu: …….. đồng (3)

III. Chế độ được hưởng

1. Trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi: ..... đồng
2. Trợ cấp tạo việc làm: ..... đồng
3. Trợ cấp tàu xe: ..... đồng
4. Trợ cấp một lần: ..... đồng
5. Trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi: ..... đồng

Tổng cộng (1+2+3+4+5): ..... đồng

NGƯỜI NHẬN	**CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1) Cấp ký quyết định
(2) Các chế độ được hưởng (nghỉ hưu/chuyển ngành/xuất ngũ/thôi việc)
(3) Chỉ thể hiện đối với đối tượng nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất.

Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
……(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng trợ cấp một lần khi hy sinh (hoặc từ trần)

..... (1)

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 55/2015/TT-BCA ngày 22/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 54/2019/TT-BCA ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, thôi việc, hy sinh, từ trần;

Căn cứ đề nghị của … (2) và hồ sơ của đồng chí (ông/bà)….,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/bà) ……..Sinh ngày.....
Cấp bậc…….Chức vụ……. (hoặc chức danh, nghề nghiệp……..)
Đơn vị công tác: .....
Hy sinh (hoặc từ trần) ngày……
Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ: ….. năm ….. tháng
Thời gian tăng thêm do quy đổi (nếu có): ….. năm ….. tháng
Tiền lương liền kề trước khi hy sinh (hoặc từ trần): ..... đồng
Được hưởng trợ cấp một lần khi hy sinh (hoặc từ trần)

Điều 2: Ông/bà ……. là … (3) của đồng chí (ông/bà)….. đại diện cho các thân nhân nhận trợ cấp một lần khi hy sinh (hoặc từ trần): .....

- Trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi: ..... đồng

Cộng: ..... đồng

Bằng chữ: .....

Điều 3. Các đồng chí: …… và đồng chí …… chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ……..;
- Lưu: ……..

……(1)
(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)

(1) Cấp ký quyết định
(2) Phòng Tổ chức cán bộ
(3) Mối quan hệ với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân Công an hy sinh (hoặc từ trần)

Mẫu số 04: Ban hành kèm theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

BỘ CÔNG AN
.....(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

BẢN GHI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Để giải quyết trợ cấp một lần khi hy sinh (hoặc từ trần)
theo Thông tư số 54/2019/TT-BCA

Đồng chí (Ông/Bà): .....Sinh ngày: .....
Cấp bậc:..... Chức vụ:.....(hoặc Chức danh, nghề nghiệp: .....)
Đơn vị công tác: .....
Hy sinh (hoặc từ trần) ngày: .....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm	Đến tháng năm	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác	Thời gian công tác thực tế có đóng BHXH		Hệ số quy đổi	Thời gian tăng thêm do quy đổi	
			Năm	Tháng		Năm	Tháng
Tổng thời gian tăng thêm do quy đổi							

CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Tiền lương tháng cuối cùng trước khi hy sinh (hoặc từ trần)

1. Lương cấp bậc hàm, lương ngạch bậc: ..... đồng
2. Phụ cấp thâm niên nghề: ..... đồng
3. Phụ cấp chức vụ (nếu có) ..... đồng
4. Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) ..... đồng
5. Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) ..... đồng

Tổng cộng (1+2+3+4+5): ..... đồng

II. Chế độ được hưởng

1. Trợ cấp một lần khi hy sinh (hoặc từ trần): ..... đồng
2. Trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi: ..... đồng

Tổng cộng (1+2): ..... đồng

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Cấp ký quyết định